

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025), Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Bộ Tư pháp đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở nhằm thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, cụ thể:

- Cụ thể hóa chủ trương phát huy các cơ chế hòa giải, đối thoại và các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, góp phần phòng ngừa, giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở, củng cố đoàn kết trong nhân dân theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết

số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát theo Kết luận số 157-KL/TW ngày 25/5/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ; qua đó xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của chính quyền địa phương, nhất là cấp xã, đồng thời phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

- Thực hiện yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; kết hợp hài hòa giữa phương thức tổ tụng và phi tổ tụng, tinh gọn bộ máy, phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; đồng thời, việc xây dựng Nghị định phải bảo đảm phù hợp với định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, tạo cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức và hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Ngày 24/8/2026, Quốc hội khóa XVI thông qua Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16, thay thế Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027. Luật năm 2026 đặt ra yêu cầu mới về tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 12 năm thi hành, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, góp phần giải quyết kịp thời nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật trong cộng đồng, hạn chế phát sinh khiếu kiện, giữ gìn đoàn kết và an ninh, trật tự tại cơ sở. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy một số quy định không còn phù hợp với yêu cầu mới, cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 như: (i) quy định

về phạm vi, phương thức hòa giải chưa cập nhật đầy đủ các thay đổi của pháp luật, chưa có cơ chế phù hợp về hòa giải trực tuyến, hỗ trợ người tham gia hòa giải gặp khó khăn về ngôn ngữ, khuyết tật; (ii) quy trình lựa chọn, kiện toàn hòa giải viên còn thiếu linh hoạt, chưa quy định đầy đủ về chỉ định hòa giải viên và huy động người có uy tín, chuyên môn tham gia hỗ trợ hòa giải; (iii) một số quy định về tổ chức, quản lý nhà nước chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cần tiếp tục phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp tỉnh, cấp xã; (iv) cơ chế thanh toán thù lao, hỗ trợ rủi ro, tai nạn và bảo đảm kinh phí, điều kiện hoạt động còn có khó khăn, vướng mắc; (v) ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý hồ sơ, báo cáo, thống kê và xây dựng, chia sẻ dữ liệu điện tử còn hạn chế; (vi) các quy định hướng dẫn còn phân tán tại nhiều văn bản, gây khó khăn trong tra cứu và áp dụng thống nhất.

Xuất phát từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở là cần thiết nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16; đồng thời quy định các biện pháp tổ chức thi hành, bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và khả thi để triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở trên thực tiễn.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích

- Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính khả thi của các quy định về thủ tục hành chính; bảo đảm thủ tục được quy định đơn giản, thuận tiện, không làm phát sinh chi phí, thời gian không cần thiết cho người dân và cơ quan thực hiện.

- Đánh giá việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác hòa giải ở cơ sở, bảo đảm rõ trách nhiệm, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phát huy tính chủ động của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư.

- Đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức và thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; việc bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định.

2.2. Yêu cầu

Đánh giá đầy đủ tác động của các thủ tục hành chính dự kiến được sửa đổi, bổ sung; việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; việc ứng dụng công nghệ thông

tin, chuyển đổi số và các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tiễn và yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Trong dự thảo Nghị định quy định có 05 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực hoà giải ở cơ sở.

- Về thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: Dự thảo Nghị định không quy định các thủ tục hành chính mới.

- Về thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ: Dự thảo Nghị định không đề xuất bãi bỏ TTHC hiện hành.

- Thủ tục hành chính hiện hành được giữ nguyên: Dự thảo Nghị định giữ nguyên 0/05 thủ tục hành chính được quy định tại Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2026.

- Về thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 05/05 thủ tục hành chính của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2026.

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở không quy định thủ tục hành chính mới mà chủ yếu quy định chi tiết, cụ thể hóa các thủ tục hành chính đã được Luật Hoà giải ở cơ sở quy định. Các quy định của dự thảo được xây dựng theo hướng kế thừa, hoàn thiện các thủ tục hiện hành, không làm phát sinh thêm quy trình, hồ sơ hoặc yêu cầu mới đối với người dân, hòa giải viên, tổ hòa giải và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Trong quá trình hoàn thiện các TTHC, dự thảo Nghị định có bổ sung một số trường hợp, đối tượng trong phạm vi các thủ tục hành chính đã được Luật quy định, cụ thể: bổ sung hình thức chỉ định hòa giải viên trong TTHC công nhận hòa giải viên; bổ sung người được mời trực tiếp tham gia hòa giải là đối tượng được hưởng thù lao và được xem xét hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải; bổ sung trường hợp thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải trong quy định về thôi làm hòa giải viên. Đây là những nội dung nhằm cụ thể hóa đầy đủ quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo đảm quyền, lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động hòa giải, không tạo thành các thủ tục hành chính mới hoặc làm phát sinh thêm thủ tục độc lập.

Dự thảo Nghị định đồng thời được xây dựng theo hướng đẩy mạnh cải cách, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở, tạo thuận lợi cho người dân, hòa giải viên, tổ hòa giải và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình tổ chức thực hiện. Theo đó, các quy định được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm thành phần hồ sơ, hạn chế các bước trung gian không cần thiết, đơn giản hóa quy trình thực hiện, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử và khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử thay cho việc yêu cầu cung cấp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu đã có trong hệ thống dữ liệu hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền quản lý.

1.1. Về số lượng, tên thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

Các quy định của Nghị định hướng dẫn chi tiết trình tự, cách thức thực hiện 05 thủ tục hành chính (quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện các thủ tục) đã được quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở, bao gồm:

(i) Thủ tục công nhận hoà giải viên, mã thủ tục hành chính số 1.002211.
(Được quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 dự thảo Nghị định)

Trong các trường hợp được công nhận hòa giải viên có bổ sung thêm trường hợp chỉ định hòa giải viên, theo đó: “Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thông báo, vận động người có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên tham gia làm hòa giải viên; tiếp nhận người tự ứng cử, người được giới thiệu làm hòa giải viên và rà soát, lập danh sách những người ứng cử, được giới thiệu làm hòa giải viên sau khi nhận được sự đồng ý của những người được giới thiệu làm hòa giải viên. (Điều 14 dự thảo Nghị định)”. Dù thêm trường hợp chỉ định hoà giải viên nhưng không làm phát sinh TTHC mới, vì việc lựa chọn hoà giải viên dưới hình thức bầu hay chỉ định thì hoà giải viên vẫn cần đáp ứng yêu cầu, điều kiện chung để làm hoà giải viên, chỉ định hoà giải viên chỉ xảy ra trong những trường hợp nhất định, việc lựa chọn này không làm thay đổi trình tự thực hiện TTHC. Kết quả thực hiện TTHC sẽ là Quyết định công nhận hoà giải viên đối với cả 02 trường hợp hoà giải viên được bầu hoặc hoà giải viên được chỉ định.

Tên gọi, đối tượng thực hiện TTHC, cơ quan thực hiện của TTHC này được giữ nguyên như quy định cũ. Thời hạn thực hiện TTHC đã được đơn giản hóa, giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc theo quy định cũ xuống 03 ngày làm việc (Điều 15 dự thảo Nghị định) do hiện nay các TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, bên cạnh việc thực hiện bằng hình thức trực tiếp, gián tiếp (qua bưu điện).

(ii) Thủ tục thôi làm hoà giải viên, thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải mã thủ tục hành chính số 2.000930. *(Được quy định tại Điều 17 dự thảo Nghị định)*.

So với TTHC được quy định theo Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, TTHC này được bổ sung thêm trường hợp thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải, đồng thời tên gọi của TTHC này được bổ sung thêm trường hợp thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải. Tuy nhiên, việc bổ sung trường hợp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới mà chỉ mở rộng phạm vi trường hợp áp dụng trong thủ tục thôi làm hòa giải viên đã được quy định trước đây. Trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục cơ bản được giữ nguyên, không làm phát sinh thêm yêu cầu, điều kiện hoặc quy trình mới đối với hòa giải viên và tổ hòa giải.

Theo quy trình thực hiện TTHC tại Nghị định, thời hạn giải quyết TTHC được giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc, đây là điểm mới nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, đồng thời góp phần đơn giản hóa TTHC. Ngoài ra, tên gọi, đối tượng thực hiện TTHC, cơ quan thực hiện của TTHC này được giữ nguyên như quy định cũ.

(iii) Thủ tục công nhận Tổ trưởng tổ hoà giải, mã thủ tục hành chính số 2.000950 *(Được quy định tại Điều 16 dự thảo Nghị định)*.

Theo quy trình thực hiện TTHC tại Nghị định, thời hạn giải quyết TTHC được giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc. Tên gọi, đối tượng thực hiện TTHC, cơ quan thực hiện của TTHC này, thành phần, số lượng hồ sơ được giữ nguyên như quy định cũ. Việc sửa đổi, bổ sung này giúp hoàn thiện nội dung, cách thức thực hiện thủ tục công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải, đồng thời góp phần đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục.

(iv) Thủ tục thanh toán thù lao của hoà giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hoà giải, mã thủ tục hành chính số 2.002080. *(Quy định tại Điều 25 dự thảo Nghị định)*

Tên gọi của TTHC này được bổ sung thêm đối tượng được hưởng thù lao “người được mời trực tiếp tham gia hoà giải”.

(v) Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hoà giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hoà giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải, mã thủ tục hành chính số 2.000424. *(Quy định tại Điều 26, Điều 27 dự thảo Nghị định)*

Tên gọi của TTHC này được bổ sung thêm đối tượng được hưởng thù lao “người được mời trực tiếp tham gia hoà giải”.

Như vậy, theo dự thảo Nghị định, các TTHC trong lĩnh vực hoà giải ở cơ sở được quy định bảo đảm phù hợp với hướng dẫn các quy định về thủ tục hành chính.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định trình tự bầu hòa giải viên, chỉ định hòa giải viên, bầu Tổ trưởng tổ hòa giải và các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở. Đây là các quy trình nội bộ, làm cơ sở cho việc thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với cá nhân, tổ chức.

1.2. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

a) Sự cần thiết của các thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính được quy định trong dự thảo Nghị định là cần thiết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc triển khai thi hành Luật trong thực tiễn. Thông qua các thủ tục này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc quản lý đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn một cách thống nhất, minh bạch; đồng thời bảo đảm quyền, trách nhiệm và điều kiện hoạt động của hòa giải viên theo quy định của pháp luật. Việc quy định cụ thể trình tự, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của từng chủ thể tham gia còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho việc tổ chức và hoạt động của các tổ hòa giải ở cơ sở.

b) Tính hợp lý của các thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định được thiết kế theo hướng đơn giản, rõ ràng và phù hợp với đặc thù của hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Thứ nhất, thẩm quyền giải quyết được giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã - cơ quan gần dân, trực tiếp quản lý địa bàn và nắm rõ tình hình tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải, bảo đảm việc giải quyết thủ tục được kịp thời và sát thực tế.

Thứ hai, quy trình thực hiện có sự tham gia của Ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng dân cư, bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch trong việc lựa chọn, công nhận hoặc thôi làm hòa giải viên.

Thứ ba, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể thời hạn giải quyết đối với từng công việc, góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và giảm thời gian chờ đợi trong quá trình giải quyết thủ tục.

Thứ tư, dự thảo Nghị định bổ sung các hình thức thực hiện linh hoạt như

biểu quyết trực tuyến, sử dụng phương tiện điện tử, mạng xã hội hoạt động hợp pháp để thông báo, lấy ý kiến hoặc tổ chức biểu quyết, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và điều kiện thực tế của địa phương.

c) Tính hợp pháp của các thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính được quy định trong dự thảo Nghị định thuộc phạm vi được Luật Hòa giải ở cơ sở giao Chính phủ quy định chi tiết; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và các quy định có liên quan. Nội dung các thủ tục hành chính không làm phát sinh điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc nghĩa vụ mới ngoài phạm vi được luật giao; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp.

d) Tác động đối với cải cách thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định góp phần đơn giản hóa và nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thông qua việc:

- Quy định rõ trình tự, trách nhiệm và thời hạn giải quyết (so với quy định cũ, thời hạn giải quyết TTHC đã giảm 40% về thời gian từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc);
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phương thức điện tử trong tổ chức thực hiện;
- Giảm các khâu trung gian, giao thẩm quyền trực tiếp cho cấp xã giải quyết;
- Tăng tính công khai, minh bạch và khả năng giám sát của cộng đồng dân cư.

Nhìn chung, các quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định bảo đảm tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp, không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ đáng kể đối với người dân và cơ quan thực hiện, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở.

e) Đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Việc đánh giá chi phí tuân thủ đối với 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở được thực hiện trên cơ sở các quy định tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Các thủ tục hành chính này được dự thảo Nghị định quy định cụ thể về đối tượng thực hiện, cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết và kết

quả thực hiện thủ tục hành chính. Chi phí tuân thủ được xác định theo phương pháp đo lường chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, bao gồm các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra để thực hiện thủ tục hành chính như: chi phí chuẩn bị hồ sơ, kê khai thông tin, sao chụp tài liệu, nộp hồ sơ, theo dõi kết quả giải quyết và các chi phí thời gian phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục.

Kết quả đánh giá cho thấy các thủ tục hành chính được thiết kế theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, sử dụng các biểu mẫu thống nhất, giảm số lượng giấy tờ phải nộp, tăng cường thực hiện bằng phương thức điện tử khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật, qua đó góp phần giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho người dân và cơ quan, tổ chức có liên quan. Đồng thời, việc quy định rõ trình tự, thẩm quyền và thời hạn giải quyết cũng tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở.

Các thủ tục hành chính này được thực hiện miễn phí, không phát sinh hoặc phát sinh không đáng kể chi phí trực tiếp; chi phí chủ yếu là chi phí thời gian thực hiện thủ tục.

Chi phí tuân thủ cụ thể của từng thủ tục hành chính được xác định tại các Biểu đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính kèm theo Bản đánh giá Nghị định này.

(Kèm theo Biểu mẫu số 02/DGTC-SDBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo văn bản được ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP).

2. Việc phân cấp

2.1. Sự cần thiết của việc phân cấp

Việc quy định nội dung phân cấp trong dự thảo Nghị định là cần thiết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thi hành pháp luật.

Thực tiễn cho thấy, hoạt động hòa giải ở cơ sở gắn trực tiếp với cộng đồng dân cư, tổ hòa giải và hòa giải viên trên địa bàn xã, phường, đặc khu. Vì vậy, việc giao thẩm quyền và trách nhiệm cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quản lý, tổ chức và hỗ trợ hoạt động hòa giải sẽ bảo đảm tính kịp thời, linh hoạt, sát thực tiễn, đồng thời giảm bớt các khâu trung gian trong quá trình giải quyết công việc.

Bên cạnh đó, việc phân định rõ trách nhiệm giữa Bộ Tư pháp, bộ và cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác hòa giải ở cơ sở sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; bảo đảm nguyên tắc cơ quan nào được giao thẩm quyền thì cơ quan đó chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2.2. Nội dung phân cấp trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định rõ trách nhiệm của các cấp trong tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, cụ thể:

a) Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án về hòa giải ở cơ sở; tổ chức truyền thông, phổ biến, hướng dẫn áp dụng pháp luật, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về hòa giải ở cơ sở; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền; thống kê, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và tổ chức hội thi hòa giải viên giỏi toàn quốc; xây dựng, quản lý, bảo đảm hoạt động của Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hòa giải trực tuyến; thực hiện hợp tác quốc tế và các nhiệm vụ khác được giao theo quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp quy định nội dung, mức chi hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước chi cho công tác hòa giải ở cơ sở và việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở..c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn; bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở; biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp xã; khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hướng dẫn tổ chức hòa giải trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tiễn; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện pháp luật, kiểm tra, đánh giá, sơ kết,

tổng kết, khen thưởng, báo cáo và tổ chức hội thi hòa giải viên giỏi cấp tỉnh.

Việc giao các nhiệm vụ trên cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm bảo đảm vai trò quản lý, điều phối, hướng dẫn và bảo đảm nguồn lực thống nhất trên địa bàn, đồng thời tạo điều kiện để cấp xã chủ động tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở phù hợp với tình hình thực tế.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn, có trách nhiệm bảo đảm kinh phí; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ tài liệu và phổ biến pháp luật cho hòa giải viên, tổ hòa giải và người được mời tham gia hòa giải; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và báo cáo về công tác hòa giải ở cơ sở.

Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời thực hiện các nhiệm vụ trực tiếp gắn với hoạt động hòa giải ở cơ sở, gồm: quyết định số lượng tổ hòa giải, số lượng hòa giải viên; công nhận hòa giải viên, công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải, quyết định việc thôi làm hòa giải viên theo thẩm quyền; cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện hòa giải trực tuyến; giải quyết kiến nghị, đề xuất của hòa giải viên và người được mời tham gia hòa giải; hỗ trợ bố trí người phiên dịch khi cần thiết; bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình hòa giải; tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các vụ, việc theo quy định của pháp luật.

Việc giao trực tiếp các nhiệm vụ trên cho Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với vai trò là cấp gần dân, trực tiếp quản lý địa bàn và tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, qua đó rút ngắn quy trình giải quyết công việc, kịp thời hỗ trợ hòa giải viên, tổ hòa giải và người tham gia hòa giải, đồng thời phát huy tính chủ động, tự quản của cộng đồng dân cư.

2.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện phân cấp

Dự thảo Nghị định đã quy định các điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, bao gồm:

Về hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn và chuyển đổi số: Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở và cung cấp, cập nhật tài liệu phục vụ công tác quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã khai thác, sử dụng hệ thống, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

thông tin, chuyển đổi số và hỗ trợ tổ chức hòa giải trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế.

Về bảo đảm nguồn lực: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn; đồng thời tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ tài liệu và các điều kiện cần thiết cho tổ hòa giải, hòa giải viên và người được mời tham gia hòa giải.

Về cơ chế phối hợp: Dự thảo xác định rõ trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tổ chức thực hiện pháp luật, kiện toàn tổ hòa giải, công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải, quản lý và hỗ trợ hoạt động của hòa giải viên, bảo đảm sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ tại địa phương.

Về trách nhiệm và thời hạn thực hiện: Các quy định về trình tự, thời hạn thực hiện và trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền được xác định cụ thể, góp phần bảo đảm tính minh bạch, hạn chế việc đùn đẩy trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

Qua đó, dự thảo Nghị định không chỉ xác định rõ thẩm quyền mà còn thiết lập các điều kiện về nguồn lực, nhân lực, cơ chế phối hợp, hạ tầng số và trách nhiệm thực hiện, bảo đảm việc, phân cấp về hòa giải ở cơ sở được thực hiện thực chất, thống nhất và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2.4. Cơ chế kiểm tra, giám sát sau phân cấp

Dự thảo Nghị định quy định cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động rà soát, đánh giá hằng năm; sơ kết, tổng kết định kỳ; chế độ thống kê, báo cáo; đồng thời phát huy vai trò phối hợp, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Việc quy định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện là cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm việc phân cấp được thực hiện đúng mục tiêu, đúng thẩm quyền và phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay.

2.5. Kết luận

Các quy định về phân cấp trong dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với Luật Hòa giải ở cơ sở và chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; phân định rõ trách nhiệm giữa trung ương, cấp tỉnh và cấp xã; tăng cường tính chủ động của chính quyền cơ sở; giảm tầng nấc trung gian trong giải quyết công việc; đồng thời gắn việc giao nhiệm vụ với các điều kiện bảo đảm thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

và chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở là yêu cầu tất yếu nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; góp phần hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Trong bối cảnh xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số, việc ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác hòa giải ở cơ sở sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, khai thác thông tin, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hòa giải viên và hỗ trợ người dân tiếp cận hoạt động hòa giải một cách nhanh chóng, hiệu quả.

3.1. Nội dung ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ định hướng thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động hòa giải ở cơ sở thông qua nhiều quy định cụ thể: Khoản 4,5 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về việc chuẩn bị bầu hòa giải viên trong đó việc thông báo công khai danh sách bầu hòa giải viên và thông tin về việc bầu hòa giải viên phải được thông báo công khai bằng nhiều hình thức, trong đó bổ sung hình thức công khai qua: “các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập; Điều 10 dự thảo Nghị định quy định việc tổ chức bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết trực tuyến; Điều đ, Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định việc bầu Tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức trực tuyến; Điều 21, 22 dự thảo Nghị định quy định về việc hòa giải trực tuyến, xác nhận kết quả hòa giải trực tuyến; Khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định khuyến khích việc lập, quản lý và cập nhật Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở bằng phương thức điện tử; Điều 27 dự thảo Nghị định quy định thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải quy định việc sử dụng các giấy tờ bản điện tử trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ thay vì bản giấy như quy định cũ; Điều 28, 29 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp, ủy ban nhân dân các cấp trong đó có trách nhiệm: Xây dựng, quản

lý, bảo đảm hoạt động của Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động hòa giải trực tuyến; Chỉ đạo khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Theo quy định nêu trên, dự thảo Nghị định cho phép sử dụng các phương thức điện tử trong quá trình tổ chức thực hiện một số hoạt động liên quan đến hòa giải ở cơ sở như thông báo, trao đổi thông tin, lấy ý kiến, biểu quyết trực tuyến và thực hiện các hoạt động quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Quy định này góp phần giảm chi phí, thời gian tổ chức, đồng thời mở rộng khả năng tham gia của người dân.

Dự thảo Nghị định cũng quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tài liệu điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện số hóa dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý, theo dõi, thống kê và đánh giá hoạt động hòa giải trên phạm vi toàn quốc.

Dự thảo Nghị định khuyến khích việc số hóa tài liệu, học liệu, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến pháp luật cho hòa giải viên, tạo điều kiện để đội ngũ hòa giải viên tiếp cận kiến thức một cách thuận lợi, linh hoạt và tiết kiệm chi phí.

Đồng thời, dự thảo Nghị định giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3.2. Tác động của các quy định về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Các quy định tại Nghị định về ứng dụng công nghệ thông tin được dự kiến sẽ mang lại nhiều tác động tích cực trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước, việc số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm khối lượng công việc hành chính, tăng cường khả năng thống kê, tổng hợp, theo dõi và đánh giá tình hình hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Đối với hòa giải viên, việc tiếp cận các tài liệu điện tử, khóa bồi dưỡng trực tuyến, cơ sở dữ liệu pháp luật và các công cụ hỗ trợ nghiệp vụ giúp nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hòa giải và khả năng cập nhật kiến thức pháp

luật.

Đối với người dân, việc ứng dụng công nghệ thông tin tạo điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, hoạt động hòa giải và các dịch vụ hỗ trợ thuận lợi hơn, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở.

Dự thảo Nghị định đã lồng ghép và thể chế hóa các yêu cầu về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở. Các quy định của dự thảo tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu, phát triển các nền tảng hỗ trợ hoạt động hòa giải và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch và hiệu quả.

Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; không có quy định cản trở việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước và tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

4.1. Sự phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc của Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới và các quy định pháp luật có liên quan về bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Qua rà soát nội dung dự thảo Nghị định cho thấy không có quy định nào phân biệt đối xử về giới hoặc hạn chế quyền, nghĩa vụ của cá nhân trên cơ sở giới tính trong việc tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở. Các quy định được áp dụng thống nhất đối với mọi cá nhân, tổ chức không phân biệt giới tính.

4.2. Tác động về giới của các quy định trong dự thảo Nghị định

Các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự lựa chọn, công nhận hòa giải viên và công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải được áp dụng bình đẳng đối với nam và nữ. Việc tham gia làm hòa giải viên hoặc Tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện trên cơ sở năng lực, uy tín và sự tín nhiệm của cộng đồng dân cư, không phụ thuộc vào giới tính.

Các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp tài liệu, hướng dẫn

kỹ năng hòa giải và hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở tạo cơ hội bình đẳng cho cả nam và nữ trong việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn khi tham gia hoạt động hòa giải.

Các quy định về hỗ trợ thù lao, hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro trong quá trình thực hiện hoạt động hòa giải được áp dụng như nhau đối với mọi hòa giải viên và người được mời tham gia hòa giải, không có sự khác biệt về quyền lợi giữa nam và nữ.

Các quy định về hỗ trợ phiên dịch, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân tiếp cận hoạt động hòa giải, trong đó có phụ nữ, nhất là phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4.3. Mức độ bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh các yếu tố có thể dẫn đến bất bình đẳng giới hoặc tạo ra gánh nặng tuân thủ khác nhau giữa nam và nữ. Các quy định được xây dựng theo hướng bảo đảm cơ hội tiếp cận, tham gia và thụ hưởng chính sách ngang bằng cho cả hai giới.

Bên cạnh đó, hoạt động hòa giải ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến hôn nhân và gia đình, bạo lực gia đình, quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em. Việc nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải thông qua các quy định của dự thảo Nghị định sẽ góp phần hỗ trợ thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động xã hội tại cộng đồng.

Dự thảo Nghị định bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc về bình đẳng giới; không có quy định mang tính phân biệt đối xử hoặc tạo ra tác động bất lợi đối với nam hoặc nữ. Các quy định trong dự thảo tạo điều kiện để cả nam và nữ tham gia bình đẳng vào hoạt động hòa giải ở cơ sở, được tiếp cận các điều kiện hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng và thụ hưởng các chế độ, chính sách như nhau. Do đó, dự thảo Nghị định không phát sinh vấn đề bất bình đẳng giới và góp phần hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Qua rà soát, dự thảo Nghị định không có nội dung phân biệt đối xử về giới, không làm phát sinh bất bình đẳng giới hoặc tác động bất lợi đối với nam hoặc nữ. Các quy định của dự thảo bảo đảm cơ hội tham gia, tiếp cận và thụ hưởng chính sách bình đẳng giữa các giới; do đó bảo đảm yêu cầu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Các quy định của dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Mặc dù không quy định chính sách dân tộc riêng, dự thảo Nghị định đã lồng ghép các nội dung bảo đảm quyền và lợi ích của đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, cụ thể như sau:

5.1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; tôn trọng và phát huy giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc và đại diện phù hợp trong tổ hoà giải

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở, không phân biệt dân tộc; Các quy định của dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc điều kiện hạn chế đối với người dân tộc thiểu số. Ngược lại, các quy định về hỗ trợ phiên dịch và tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong bảo đảm điều kiện cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đã tạo cơ chế hỗ trợ cần thiết để đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; không có quy định nào tạo ra sự phân biệt đối xử hoặc hạn chế quyền của người dân tộc thiểu số trong việc tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đồng thời, dự thảo Nghị định giao Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở, tạo điều kiện để việc triển khai các chính sách hỗ trợ được thực hiện phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của từng địa phương, nhất là địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhìn chung, các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời không làm phát sinh sự bất bình đẳng hoặc tác động bất lợi đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

5.2. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và sử dụng ngôn ngữ dân tộc

Dự thảo Nghị định quy định cơ chế hỗ trợ phiên dịch trong trường hợp các bên tham gia hòa giải không sử dụng thành thạo tiếng Việt hoặc có nhu cầu sử dụng tiếng nói, ngôn ngữ của dân tộc mình (Điều 20 Dự thảo Nghị định quy định hỗ trợ bố trí người phiên dịch trong hòa giải ở cơ sở). Theo đó, khi các bên không tự bố trí được người phiên dịch, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hỗ trợ bố trí người phiên dịch theo đề nghị của hòa giải viên. Quy định này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận

bình đẳng đối với hoạt động hòa giải ở cơ sở, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Việc có sự tham gia của người phiên dịch giúp các bên trình bày đầy đủ ý kiến, nguyện vọng, bảo đảm quá trình hòa giải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng bản sắc văn hóa và phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc.

Bên cạnh đó, các quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp tài liệu, phổ biến pháp luật và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải ở cơ sở góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ hòa giải viên, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải tại các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

5.3. Góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và ổn định xã hội

Mặc dù không quy định chính sách dân tộc riêng, các quy định của dự thảo Nghị định góp phần tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi hơn với hoạt động hòa giải ở cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp ngay tại cộng đồng.

Thông qua việc bảo đảm sự tham gia bình đẳng của người dân, tôn trọng ngôn ngữ, bản sắc văn hóa và phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc, dự thảo Nghị định góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn an ninh, trật tự và ổn định xã hội ở cơ sở.

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở./.